

BÁO CÁO THẨM TRA

Tổng quyết toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2023 trình kỳ họp thứ 11 - HĐND huyện khoá V

Thực hiện phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, Qua nghiên cứu các báo cáo, tờ trình và dự thảo Nghị quyết về tổng quyết toán ngân sách huyện năm 2023, cùng với ý kiến của các thành viên dự họp, báo cáo giải trình của Phòng Tài chính - KH. Ban Kinh tế - Xã hội báo cáo Hội đồng nhân dân huyện những nội dung chủ yếu sau:

1. Về thẩm quyền và sự cần thiết

Theo quy định tại Khoản 3 điều 30 Luật ngân sách thì Hội đồng nhân dân huyện có thẩm quyền phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương, do đó việc UBND huyện trình HĐND huyện xem xét phê chuẩn là cần thiết và đúng thẩm quyền.

2. Về quyết toán thu ngân sách

Tổng quyết toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn là 1.598 tỷ 312 triệu đồng, đạt 130% dự toán tỉnh giao, và huyện giao, tăng 1% so cùng kỳ năm 2022. Trong đó, thu từ sản xuất kinh doanh 620 tỷ 312 triệu đồng, đạt 116% so dự toán tỉnh giao và huyện giao, giảm 11% so cùng kỳ (giảm 76 tỷ 747 triệu đồng).

Ban Kinh tế - Xã hội thống nhất kết quả, đánh giá của Ủy ban nhân dân huyện về tình hình thu ngân sách nhà nước năm 2023, trong điều kiện kinh tế huyện còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng sau đại dịch covid 19, một số doanh nghiệp tạm dừng hoạt động, làm ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách. Nhìn chung, các nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm¹ so dự toán giao, nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện Ủy – HĐND và sự điều hành tích cực của UBND huyện, cùng với sự nỗ lực của các ngành, các cấp cơ bản đáp ứng nhiệm vụ chi ngân sách góp phần hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Về quyết toán chi ngân sách

Tổng quyết toán chi ngân sách địa phương 1.090 tỷ 153 triệu đồng đạt 118% so với dự toán tỉnh giao và dự toán huyện giao, trong đó chi đầu tư phát triển 216 tỷ 563 triệu đồng đạt 132% so dự toán tỉnh giao (chiếm 16,17% tổng chi ngân sách); chi

¹ Thu ngân sách địa phương được hưởng 159 tỷ 380 triệu đồng, đạt 68% so dự toán huyện giao, đạt 69% dự toán tỉnh giao; thu phí, lệ phí 12 tỷ 194 triệu đồng, đạt 57% dự toán tỉnh giao, dự toán huyện giao; thuế thu nhập cá nhân 35 tỷ 567 triệu đồng, đạt 54%.



thường xuyên 750 tỷ 790 triệu đồng đạt 101% dự toán tỉnh giao và dự toán huyện giao.

Nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước năm 2023 được thực hiện đúng quy định, đảm bảo chi đầy đủ các chế độ chính sách tiền lương, an sinh xã hội, chi đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng; trong công tác giao dự toán, quản lý, điều hành, chấp hành chi ngân sách của địa phương có nhiều chuyển biến tích cực, chi đúng dự toán được giao, tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn, định mức chi, gắn với việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đồng thời báo cáo quyết toán được tổng hợp đầy đủ nội dung và thuyết minh chi tiết tăng, giảm nhiệm vụ chi so với dự toán huyện giao.

Bên cạnh đó, cũng còn một số nhiệm vụ chi không đạt so với dự toán huyện giao như: sự nghiệp khoa học công nghệ đạt 66%, sự nghiệp môi trường 66%, chi khác ngân sách 14%... Cho thấy, việc chấp hành dự toán chi ngân sách ở một số lĩnh vực khi triển khai thực hiện xác định nhiệm vụ, định mức có thay đổi chưa điều chỉnh kịp thời hoặc xây dự toán chưa sát với tình hình thực tế làm ảnh hưởng cho quá trình điều hành ngân sách của huyện.

3. Về cân đối quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2023

Trên cơ sở báo cáo tổng hợp số liệu thu, chi ngân sách năm 2023 của UBND huyện. Qua thẩm tra số liệu quyết toán thu – chi ngân sách 2023, Ban Kinh tế - Xã hội nhất trí với báo cáo của UBND huyện và đề nghị HĐND huyện xem xét, phê chuẩn quyết toán thu-chi ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện năm 2023, như sau:

- Tổng thu ngân sách địa phương được hưởng đưa vào cân đối ngân sách 1.137 tỷ 380 triệu đồng; trong đó thu từ SXKD ngân sách địa phương được hưởng 159 tỷ 380 triệu đồng (giảm 34% so cùng kỳ, tương ứng giảm 81 tỷ).
- Tổng chi ngân sách địa phương 1.090 tỷ 153 triệu đồng.
- Kết dư ngân sách 47 tỷ 227 triệu đồng, trong đó: ngân sách cấp huyện 28 tỷ 678 triệu đồng, cấp xã 18 tỷ 549 triệu đồng.

4. Ý kiến đề nghị của Ban Kinh tế - xã hội

Tuy nhiên, qua thẩm tra Ban Kinh tế - xã hội nhận thấy năm 2023, thực hiện chính sách miễn, giảm thuế như: giảm tiền thuê đất, giảm lệ phí trước bạ, giảm thuế suất thuế GTGT ... do đó các khoản thu ngân sách đều không đạt so dự toán tỉnh giao và dự toán huyện giao, báo cáo đánh giá của UBND huyện về thu ngân sách chưa cụ thể.

Để đảm bảo quá trình điều hành ngân sách, đề nghị UBND huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn:

- Thường xuyên rà soát, kiến nghị xem xét điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách, tăng cường biện pháp hỗ trợ người dân và Doanh nghiệp vượt qua khó khăn, khôi phục sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng thu ngân sách đảm bảo nhiệm vụ chi phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương;

- Điều chỉnh số liệu báo cáo của các phụ lục phải đối khớp.

Ban Kinh tế- xã hội thống nhất báo cáo tổng quyết toán thu- chi ngân sách năm 2023 của UBND huyện. Kính trình HĐND huyện xem xét, phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2023.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội về quyết toán thu- chi ngân sách năm 2023.

Kính trình kỳ họp thứ 11 HĐND huyện khóa V, nhiệm kỳ 2021 – 2026 xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- UBND huyện, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- K0901- Liên thông
- Lưu: VT.

TM. BAN KINH TẾ - XÃ HỘI

TRƯỞNG BAN



Hồ Thị Lam



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG

BIỂU TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 91/BC-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Ban KT-XH)

Biểu B2-01

Stt	Nội dung	Quyết toán năm 2022	Dự toán năm 2023		Thực hiện thu năm 2023	So sánh (%)			Tỷ lệ điều tiết (%)
			Tỉnh giao	Huyện giao		5=4/1	6=4/2	7=4/3	
A	B	1	2	3	4	5=4/1	6=4/2	7=4/3	8
	TỔNG THU NSNN	1,582,735	1,230,525	1,233,703	1,598,312	101	130	130	
I	THU NỘI ĐỊA	697,059	536,348	539,526	620,312	89	116	115	
	<i>Trong đó :</i>								
	-Huyện trực tiếp quản lý	498,738	446,794	449,972	461,194	92	103	102	
	-Thu NSDP được hưởng	240,520	230,309	233,487	159,380	66	69	68	
	+ Các khoản thu hưởng 100%	182,636	176,571	179,749	115,650				
	+ Các khoản thu hưởng theo tỷ lệ %	57,884	53,738	53,738	43,730				
1	Thu từ kv KT ngoài QĐ	94,574	123,420	123,420	102,433	108	83	83	
	Thuế giá trị gia tăng	63,360	83,640	83,640	83,559	132	100	100	33
	<i>Trởó : Huyện trực tiếp q/ lý</i>		45,900	45,900				-	
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	14,869	13,668	13,668	13,288	89	97	97	33
	<i>Trởó : Huyện trực tiếp q/ lý</i>		11,628	11,628				-	
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	81	102	102	100	123	98	98	33
	<i>Trởó : Huyện trực tiếp q/ lý</i>		102	102				-	
	Thuế tài nguyên	16,264	26,010	26,010	5,486	34	21	21	100
	<i>Trởó : Huyện trực tiếp q/ lý</i>		9,690	9,690				-	
2	Lệ phí trước bạ	31,801	25,096	25,096	18,217	57	73	73	100
3	Thuế sử dụng đất phi NN	747	700	954	871	117	124	91	100
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp								
5	Thuế thu nhập cá nhân	82,478	65,431	65,431	35,567	43	54	54	33
	<i>Trởó : Huyện trực tiếp quản lý</i>		64,500	64,500				-	
6	Phí, lệ phí	14,677	21,317	21,317	12,194	83	57	57	100
	<i>Trởó : -TW, Tỉnh quản lý</i>	10,137	15,707	15,707	8,272	82	53	53	
	<i>- Huyện trực tiếp QL</i>	4,540	5,610	5,610	3,921	86		70	100
7	Tiền sử dụng đất	329,026	162,413	162,413	345,107	105	212	212	
8	Thu tiền thuê đất	106,208	105,455	108,379	75,972	72	72	70	100
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	3,340	2,000	2,000	3,881	116	194	194	
10	Thu khác	33,794	29,816	29,816	26,001	77	87	87	100
	<i>Trởó : Huyện quản lý</i>	22,662	13,000	13,000	13,156	58	101	101	100
11	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản	414	700	700	69		10	10	100
II	THU BSTỪ NS CẤP TRÊN	777,333	694,177	694,177	788,076	101	114	114	
1	Số bổ sung cân đối ngân sách	737,239	679,499	679,499	774,499	105	114	114	
2	Số bổ sung có mục tiêu	40,094	14,678	14,678	13,577	34	92	92	
III	THU KẾT DƯ	51,473	-	-	83,961				
	Huyện	1,381			27,805				
	Xã	50,092			56,156				
IV	THU CHUYỂN NGUỒN	56,870	-	-	105,963				



Stt	Nội dung	Quyết toán năm 2022	Dự toán năm 2023		Thực hiện thu năm 2023	So sánh (%)			Tỷ lệ điều tiết (%)
			Tỉnh giao	Huyện giao					
	Huyện	38,873			83,128				
	Xã	17,997			22,835				
	CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH								
	Tổng thu đưa vào cân đối NS	1,126,196	924,486	927,664	1,137,380				
1	Các khoản thu NSDP được hưởng	240,520	230,309	233,487	159,380				
2	Thu bổ sung từ NS cấp trên	777,333	694,177	694,177	788,076				
3	Thu kết dư	51,473	-	-	83,961				
4	Thu chuyên nguồn	56,870	-	-	105,963				
	Tổng chi đưa vào cân đối NS	1,042,234	924,486	927,664	1,090,153				
	Bội thu (+), bội chi (-)	83,962	- 0	- 0	47,227				



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG

BIỂU TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 91/BC-HDND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Ban KT-XH)

Stt	Chỉ tiêu	Quyết toán năm 2022	Dự toán năm 2023		Thực hiện chi năm 2023	So sánh (%)			Ghi chú
			Tỉnh giao	Huyện giao		5=4/1	6=4/2	7=4/3	
A	B	1	2	3	4			8	
	TỔNG CHI NSDP (A+B+C+D)	1,042,234	924,486	927,664	1,090,153	105	118	118	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP (I+II+III+IV+V)	925,589	924,486	927,664	967,353	105	105	104	
I	Chi đầu tư XDCB	170,702	164,223	164,223	216,563	127	132	132	
II	Chi thường xuyên	754,887	742,423	742,339	750,790	99	101	101	
1	Chi SN kinh tế	85,129	147,560	86,497	78,246	92	53	90	
a	Chi SN lâm nghiệp	305		367		-		-	Hạt KL
b	Chi SN nông nghiệp - thủy lợi	10,889	-	7,617	-	-		-	
b1	Trạm chăn nuôi và thú y	4,191				-		#DIV/0!	
b2	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	1,971		2,411		-		-	
b3	SN nông nghiệp- thủy lợi, KNKN	4,727		5,206		-		-	
	<i>Nạo vét kênh, rạch; duy tu dặm và các tuyến đường giao thông nội đồng; Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; đề án chuyên canh cây ăn quả, nông nghiệp thủy lợi khác...</i>	-			-				Kèm DM
c	Chi SN giao thông	8,936	13,545	21,839		-		-	
	Duy tu, dặm vá, sửa chữa các tuyến đường giao thông, sơn kẻ tim đường,....	-			-			#DIV/0!	Kèm DM
d	Chi SN kiến thiết thị chính	13,736		16,394		-		-	Kèm DM
	<i>Tráo : Tiền điện chiếu sáng</i>								
đ	Chi SN môi trường	30,187	43,891	38,137		-		-	Kèm DM
e	Chi SN kinh tế khác	21,076		2,143		-		-	Kèm DM
2	Chi SN giáo dục - ĐT và dạy nghề	253,434	270,379	261,468	266,210	105	98	102	
2.1	SN giáo dục (NS đảm bảo)	230,821	267,501	243,837		-		-	
2.2	SN đào tạo và dạy nghề	7,646	2,878	10,617	-	-		-	
a	Trung tâm BD chính trị : 04bc	2,841		3,827		-		-	
b	TTGD nghề nghiệp-GDTX : 26bc, HĐ 68 tỉnh 03hđ	4,805		5,323		-		-	
c	Chi đào tạo nghề cho lao động nông thôn			1,467				-	
2.3	Cải tạo SC trường học	14,967		7,014					Ban QLDA
3	Chi SN y tế (Ngân sách đảm bảo)	53,538	37,955	31,924	56,572	106	149	177	TTYT
4	Chi SN văn hóa - TT - thể thao	12,645	4,583	9,656	8,646	68	189	90	
4.1	Trung tâm văn hóa thể thao và truyền thanh : 17bc, HĐ 68 huyện : 03hđ (02 bảo vệ, 01 lái xe	9,123		6,285		-		-	
4.2	Phòng văn hóa - Thông tin (KP sự nghiệp)	2,270		2,871		-		-	



Stt	Chỉ tiêu	Quyết toán năm 2022	Dự toán năm 2023		Thực hiện chi năm 2023	So sánh (%)			Ghi chú
			Tỉnh giao	Huyện giao					
4.3	KP SC bảo dưỡng CT văn hóa , TT; Nâng cấp vòng xoay, các tuyến đường trong khuôn viên TT văn hóa gđ 1	1,252		500		-		-	
5	Chi SN khoa học công nghệ	375	530	3,180	2,102	561	397	66	
6	Chi đảm bảo xã hội	64,917	34,373	61,149	48,312	74	141	79	P LĐ-TBXH
7	Chi quản lý hành chính	50,242	35,571	58,302	59,677	119	168	102	
a	Chi QLNN	31,615		36,575		-		-	
b	Chi hoạt động khối Đảng : 29bc, HD 68 tỉnh : 03	10,600		12,997		-		-	VP huyện ủy
c	Chi h/động của các tổ chức chính trị xã hội (đoàn thể)	8,027		8,730		-		-	
8	Hội có tính chất đặc thù (9 hội)	1,765		2,133		-		-	
9	Chi an ninh-quốc phòng	32,374	18,098	25,177	24,712	76	137	98	
a	Chi an ninh	8,602	6,623	8,159	7,089	82	107	87	Công an
b	Chi quốc phòng	23,772	11,475	17,018	17,623	74	154	104	Ban CHQS
10	Chi khác ngân sách	426	3,613	3,108	448	105		14	
11	Chi ngân sách xã	200,042	189,761	199,745	205,865	103	108	103	
12	Chi tạm ứng NS huyện								
III	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH (DK từ 2%-3 / Tổng chi NS)		17,840	21,102				-	-
IV	CHI TẠO NGUỒN CCTL								
B	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI								
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	105,963			121,626	115			
D	NỢP TRẢ NS CẤP TRÊN	10,682			1,174				

